

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-PT

Ngày 15-12-2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung và chia tài sản chung
sau ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyến.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Doanh;
Ông Trương Thành Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án, Tòa án
nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận ông: Nguyễn Văn
Thắng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại phòng xét xử số 01 - Tại trụ sở Tòa án
nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
10/2017/TLPT-DS ngày 20-10-2017 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
và chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27 - 7 -
2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2017/QĐPT-
HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1972 - Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm: 1963 - có mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố 8, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ
thẩm Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Khắc H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1995
đến năm 1998 thì ly hôn. Năm 2002 bà và ông H trở về chung sống lại với nhau
có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường Đ theo Giấy chứng nhận kết
hôn số 19 ngày 19-7-2002, quyển số 01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung
sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H

không rõ ràng trong chuyện tiền bạc, sống gia trưởng, độc đoán... . Nay tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1997 đã trưởng thành, Nguyễn Linh Yến N, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2002. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu N, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được 01 căn nhà gắn liền với một phần diện tích 531.3m² đất thuộc thửa số 4 - a tờ bản đồ số 13 - b phường P, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 399884 ngày 17- 3 - 2004. Bà xin nhận căn nhà và diện tích đất gắn liền nhà, phần đất còn lại bà đồng ý giao cho ông H. Chia nhà đất theo tỷ lệ 1:1, ai nhận nhiều hơn thì hoàn chênh lệch.

Ngoài nhà đất trên, bà đề nghị chia đôi số tiền 250.000.000 đồng, số tiền này hiện ông H đang giữ. Tại phiên tòa bà đồng ý tính tiền học cho cháu C từ tháng 10/2016 đến tháng 6/2017 là 46.500.000 đồng cộng 02 vòng vé máy bay 3.000.000 đồng là 49.500.000 đồng. Bà đồng ý trừ ra 50.000.000 đồng còn lại 200.000.000 đồng bà yêu cầu chia đôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Khắc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung ông thống nhất như bà Y trình bày. Ông trình bày bổ sung như sau: Do bà Y nhiều lần ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Tại buổi hòa giải ngày 16 - 3 - 2017 ông đồng ý ly hôn với bà Y và đồng ý giao cháu Nguyễn Linh Yến N, sinh ngày 04 - 12 - 2002 cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hiện nay ông và bà Y đều làm nhà nước, thu nhập của bà Y một tháng 2.500.000 đồng, ông có thu nhập trung bình mỗi tháng 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông thay đổi ý kiến, xin được nuôi cháu N, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông thống nhất tài sản chung của vợ chồng có 01 căn nhà gắn liền với một phần diện tích 531.3m² đất thuộc thửa số 4-a tờ bản đồ số 13-b phường P. Ông xin nhận căn nhà và diện tích đất gắn liền nhà, phần đất còn lại giao cho bà Y. Chia nhà đất theo tỷ lệ 1:1.

Quá trình chung sống ông và bà Y có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Ninh Thuận nhiều lần, tổng cộng theo sao kê là 456.000.000 đồng và 01 cây vàng. Việc bà Y trình bày quá trình chung sống bà rút tiền ra chi tiêu mua sắm ông không đồng ý. Ông cho rằng tiền mua sắm ông đưa riêng, còn tiền gửi Ngân hàng là 456.000.000 đồng ông đã chi hết 250.000.000 đồng, còn lại 206.000.000 đồng và 01 cây vàng quy ra tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 236.000.000 đồng bà Y đang giữ, ông đề nghị chia theo tỷ lệ 1:1, ai nhận nhiều hơn thì hoàn chênh lệch.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27-7-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 85, 91, 92, 94, 95, 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27- 02 - 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Khắc H.

Về quan hệ con cái: Bà Nguyễn Thị Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Linh Yên N, sinh ngày 04-12-2002; ông Nguyễn Khắc H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản:

Bà Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền. Nhà và đất có vị trí tứ cận: Phía đông giáp thửa 121, phía tây giáp thửa 21, phía bắc giáp nương, phía nam giáp thửa 50.

Ông Nguyễn Khắc H được quyền sử dụng 245.7m² đất thuộc thửa số 121 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P; có vị trí tứ cận: phía đông giáp thửa 42, phía tây giáp thửa 120, phía bắc giáp nương, phía nam giáp thửa 50.

(Nhà đất hiện ông H đang quản lý).

Ông H có trách nhiệm giao cho bà Y= 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P cùng căn nhà cấp 4, vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất nói trên.

Bà Y phải hoàn lại cho ông H phần chênh lệch là 43.293.000 đồng .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác.

Do không đồng ý với nội dung bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, ngày 09 -8 - 2017 Bị đơn ông Nguyễn Khắc H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27-7-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hướng:

- Giao cho ông Nguyễn Khắc H được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với diện tích 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P. Ông đồng ý hoàn lại phần chênh lệch cho bà Y.

- Yêu cầu chia đôi tài sản chung số tiền 236.000.000đồng bà Y đang giữ. Đối với số tiền 250.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng do ông cất giữ hiện nay ông đã chi tiêu hết vào việc gia đình không còn nên ông không đồng ý chia.

NHẬN ĐỊNH:

Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 09 - 8 - 2017 của Bị đơn ông Nguyễn Khắc H làm trong hạn luật định nên chấp nhận.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Khắc H không bổ sung, thay đổi, rút đơn kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung sau ly hôn*” là phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H có nội dung: Ông H yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho ông được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với diện tích 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P. Ông đồng ý hoàn lại phần chênh lệch cho bà Y.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và Bị đơn ông Nguyễn Khắc H đều có nguyện vọng nhận căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với diện tích 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Xét thấy: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Khắc H kết hôn với nhau sinh được hai người con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 13/3/1997 (đã trưởng thành), Nguyễn Linh Yến N, sinh ngày 04-12-2002. Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27-7-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm quyết định về quan hệ con cái giao cho bà Y được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Linh Yến N sinh ngày 04-12-2002, ông Nguyễn Khắc H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Ông H đồng ý với nội dung quyết định này của bản án sơ thẩm và không có kháng cáo, chỉ kháng cáo về tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Khắc H trình bày: Ông H hiện nay là Viên chức, công tác tại Thanh tra giao thông thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận, lương tháng của ông H là 8.000.000đ/tháng. Căn cứ Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27-7- 2017 sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng ông H phải cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi trừ đi khoản cấp dưỡng nuôi con lương hàng tháng ông H còn lại 6.000.000đ để chi phí sinh hoạt. Căn cứ vào Danh sách chi trả lương tháng 9 năm 2016 của Ban an toàn giao thông (BL: 28) thu nhập của bà Y một tháng là 2.500.000 đồng. Căn cứ Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 28/3/2017 của bà Nguyễn Thị Y được Công an phường P1 xác nhận có nội dung “*Trường hợp: Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1972 có tạm trú tại 100/3 T, khu 6, P1 từ ngày 17-9-2016 đến nay*” (BL: 102). Sau khi bà Y và ông H xảy ra mâu thuẫn, bà Y phải thuê nhà để ở cùng với cháu N sinh sống cho đến nay. Sau khi ly hôn, bà Y là

người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Linh Yến N, hàng tháng ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đồng. Như vậy, hàng tháng bà Y sẽ có số tiền là 4.500.000đồng để chi phí sinh hoạt hàng ngày cho bà Y và cháu N.

Ngoài căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P là tài sản chung do bà Y và ông H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, bà Y và ông H đều không có chỗ ở nào khác.

Xét về điều kiện tạo lập chỗ ở: Hiện nay ông H chỉ có một mình thu nhập ổn định hàng tháng từ lương là 8.000.000 đồng. Bà Y thu nhập từ lương 2.500.000 đồng và nuôi con nên bà Y tạo lập nhà ở khó khăn hơn ông H.

Để đảm bảo quyền lợi cho bà Y và tạo điều kiện cho cháu N có nơi ở ổn định để phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho bà Y được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với diện tích 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P, bà Y phải hoàn lại phần chênh lệch giá trị tài sản cho ông H là có căn cứ phù hợp quy định luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đảm bảo quyền lợi phụ nữ và con sau khi ly hôn.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H có nội dung: Ông Hưng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi tài sản chung bà Y đang giữ số tiền 236.000.000đồng. Đối với số tiền 250.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng do ông cất giữ hiện nay ông đã chi tiêu hết vào việc gia đình nên ông không đồng ý chia.

Xét thấy: Trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Y có gửi tại Ngân hàng TMCPĐT&PT chi nhánh tỉnh Ninh Thuận số tiền 456.000.000 đồng. Bà Y cung cấp chứng cứ chứng minh được đã chi phí sinh hoạt cho gia đình trong thời gian bà và ông H sống chung với nhau số tiền 206.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H chia số tiền 206.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với 1 cây vàng trị giá 30.000.000 đồng bà Y trình bày đã chi phí hết nhưng không chứng minh được. Tòa án sơ phẩm buộc bà Y phải hoàn lại cho ông H 15.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày cho anh trai và chị dâu ông mượn vào khoảng năm 2013 - 2014, anh chị ông đã trả lại cho ông. Số tiền này ông chi phí đóng tiền học cho con, chi phí sửa chữa nhà và trả nợ hiện nay không còn.

Bà Y cung cấp chứng cứ Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng TMCPĐT&PT Ninh Thuận chứng minh bà và ông H cho chị dâu ông H tên Ngô Thị L mượn 250.000.000 đồng vào ngày 29/02/2016 không phải cho mượn năm 2013 - 2014 như ông H trình bày. Tại biên bản hòa giải ngày 16 - 3 - 2017 ông H thừa nhận hiện đang giữ số tiền 250.000.000 đồng (Bút lục 49 - 50). Ông H cung cấp chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm để chứng minh những khoản ông chi phí như sửa chữa công, trả nợ (BL 152), những khoản chi này đều trước thời gian bà Y và ông H cho bà L mượn số tiền 250.000.000 đồng. Tòa án sơ thẩm chia số tiền 200.000.000 đồng sau khi trừ đi số tiền 50.000.000 đồng ông H đã chi phí cho con ăn học là có căn cứ.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27 - 7 - 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Các Quyết định khác của Bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27 - 7 - 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc H không được chấp nhận nên ông H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 27 - 7 - 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Áp dụng: Khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 165, Điều 313 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 85, 91, 92, 94, 95, 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27- 02 - 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khắc H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Khắc H.

Về quan hệ con cái: Bà Nguyễn Thị Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Linh Yến N, sinh ngày 04-12-2002; ông Nguyễn Khắc H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản:

Bà Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P và được

quyền sở hữu căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền. Nhà và đất có vị trí tứ cận: Phía đông giáp thửa 121, phía tây giáp thửa 21, phía bắc giáp nương, phía nam giáp thửa 50.

Ông Nguyễn Khắc H được quyền sử dụng 245.7m² đất thuộc thửa số 121 tờ bản đồ số 46 phường P tọa lạc tại khu phố 8, phường P, thành phố P có vị trí tứ cận: phía đông giáp thửa 42, phía tây giáp thửa 120, phía bắc giáp nương, phía nam giáp thửa 50.

(Nhà đất hiện ông H đang quản lý).

Bà Y có trách nhiệm thanh toán cho ông H giá trị chênh lệch tài sản số tiền là 43.293.000đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng)

Ông H có trách nhiệm giao cho bà Y 285.6m² đất thuộc thửa số 120 tờ bản đồ số 46 phường P cùng căn nhà cấp 4, vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất nói trên.

Về chi phí định giá, thẩm định: Bà Y đồng ý chịu 1.231.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng), ông Hưng đồng ý chịu 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng). Bà Y, ông H đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Y phải chịu phải chịu 21.332.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong đó bao gồm 21.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010350 ngày 22/6/2016 và 8.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011191 ngày 08-9-2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, bà Y còn phải nộp 13.007.000 đồng (mười ba triệu không trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H phải chịu 21.332.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong đó bao gồm 21.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014131 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xét xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 15 - 12 - 2017./.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 16 - 5 - 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Phan Rang - Tháp Chàm).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- Các đương sự;
- UBND phường Đài Sơn;
- Phòng KTNV&THA; Phòng HC - TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Luyện

